

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DSST

Ngày: 20-3-2018

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng;

2. Bà Bùi Thị Hoàng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20-3-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 515/2017/TLST - DS ngày 20-10-2017, về vụ án *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 30/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST-DS ngày 01-3-2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Lệ N, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 192, tổ 59, khóm 6, phường 4, thành phố C, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Lê Thị Thu V, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 132/32, đường Võ Trường Toản, phường 2, TP. C, Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn trình bày:

+ Ngày 28-8-2014, chị N cho chị V vay số tiền 10.000.000đ, có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất vay là 400.000đ/tháng, khi nào chị N cần lấy lại số tiền trên thì báo trước cho chị V 01 tháng thì chị V sẽ trả đủ gốc và lãi. Từ ngày 28-8-2014 đến ngày 28-12-2016 (28 tháng), chị V có trả đủ lãi cho chị N là 11.200.000đ. Nhưng từ 28-12-2016 đến nay chị V không trả thêm số tiền gốc hay lãi nào. Chị N yêu cầu chị V phải trả tiền gốc là 10.000.000đ và tiền lãi

400.000đ/tháng từ ngày 28-12-2016 đến ngày 28-8-2017 (09 tháng) là 3.600.000đ, tổng cộng 13.600.000đ.

+ Ngày 12-11-2016, chị N cho chị V vay số tiền 20.000.000đ, có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất vay là 100.000đ/ngày. Trong vòng 02 tháng trở lại, chị V sẽ trả đủ gốc và lãi là 26.000.000đ. Chị N yêu cầu chị V phải trả tiền gốc là 20.000.000đ và tiền lãi 100.000đ/ngày từ ngày 12-11-2016 đến ngày 12-12-2016 (02 tháng) là 6.000.000đ, tổng cộng 26.000.000đ.

Nay chị Nguyễn Thị Lệ N yêu cầu chị Lê Thị Thu V có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền tổng cộng là 30.000.000đ, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày nộp đơn khởi kiện đến tòa án đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu chị Lê Thị Thu V có nghĩa vụ trả số vốn vay còn thiếu là 30.000.000 đồng, đồng ý điều chỉnh số tiền lãi đã nhận là 11.200.000 đồng theo lãi suất đã nhận theo quy định pháp luật.

- Bị đơn Lê Thị Thu V vắng mặt không có văn bản ý kiến, không giao nộp chứng cứ.

- Về chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là: Biên nhận mượn tiền ngày 28-8-2014 và 12-11-2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì số tiền hai bên tranh chấp là tiền vay và làm biên nhận vay nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về tố tụng:

- Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Cao Lãnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Cao Lãnh theo Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với Lê Thị Thu V dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với Lê Thị Thu V.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ N yêu cầu chị Lê Thị Thu V trả số tiền vốn vay còn thiếu là 30.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là có cơ sở. Bởi vì, căn cứ vào biên nhận mượn tiền ngày 28-8-2014 và 12-11-2016 thể hiện chị Lê Thị Thu V có vay của chị Nguyễn Thị Lệ N số tiền là 30.000.000 đồng. Mặt khác, kể từ khi làm biên nhận nợ đến nay chị Lê Thị Thu V không có chứng cứ gì để chứng minh là mình đã có trả vốn và lãi cho chị N. Do đó, yêu cầu của chị Nguyễn Thị Lệ N là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Tuy nhiên về phần lãi suất đã nhận là 11.200.000 đồng là cao hơn so với lãi

suất theo quy định pháp luật và chị Nguyễn Thị Lệ N thống nhất điều chỉnh lại lãi suất theo quy định của pháp luật và khấu trừ vào số tiền đã nhận, còn lại bao nhiêu trừ vào số vốn phải trả. Xét thấy là phù hợp nên điều chỉnh lại tiền lãi như sau:

- Lãi theo quy định của pháp luật được tính như sau: Từ ngày 28-8-2014 đến 20-3-2018 (tính tròn) là 39,7 tháng lãi là: 10.000.000 đồng x 0,83% tháng x 39,7 tháng = 3.295.000 đồng.

- Lãi theo quy định của pháp luật được tính như sau: Từ ngày 12-11-2016 đến 20-3-2018 (tính tròn) là 16,2 tháng lãi là: 20.000.000 đồng x 0,83% tháng x 16,2 tháng = 2.689.200 đồng.

Tổng cộng lãi theo quy định pháp luật là: 3.295.000 đồng + 2.689.200 đồng = 5.984.200 đồng.

- Số tiền lãi chị N đã nhận là 11.200.000 đồng, do đó số tiền còn lại trừ vào số tiền vốn đã nhận là 11.200.000 đồng – 5.984.200 đồng = 5.215.800 đồng.

Do đó, chị Lê Thị Thu V có nghĩa vụ trả tiếp cho chị N số tiền là 30.000.000 đồng – 5.215.800 đồng = 24.784.200 đồng.

Đối với chị Lê Thị Thu V không có văn bản ý kiến nhưng căn cứ vào các nhận định nêu trên thì chị Lê Thị Thu V phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Lệ N số tiền vay còn thiếu 24.784.200 đồng là mới phù hợp.

[4] Về lãi suất chậm trả: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ khi thi hành án theo quy định của pháp luật. Xét thấy phù hợp nên tính lãi suất chậm trả theo Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30-12-2016 của Quốc Hội về án phí thì do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật là 1.239.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91; Điều 147; Điều 227; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466; 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí.

- Chấp nhận yêu cầu chị Nguyễn Thị Lệ N.

- Buộc chị Lê Thị Thu V có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Lệ N số tiền còn thiếu là 24.784.200 đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn hai trăm đồng).

* Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án

(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

*** Về án phí:**

- Chị Nguyễn Thị Lệ N không phải chịu án phí dân sự. Trả lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 990.000 đồng theo biên lai thu số 00361 ngày 18-10-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Chị Lê Thị Thu V phải chịu số tiền 1.239.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Tùng